



TÀI LIỆU DỊCH TLD-08

ĐÔNG NAM Á: DƯỚI CÁI BÓNG CỦA TRUNG QUỐC

Benjamin Reilly

Một ấn phẩm của VEPR

Đông Nam Á: Dưới cái bóng của Trung Quốc¹

Benjamin Reilly²

Biên dịch: *Hà Quang Bình³*

Hiệu đính: *ThS. Nguyễn Thanh Hải⁴*

Quan điểm được trình bày trong bài viết này là của (các) tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của dịch giả hoặc VEPR và VCES.

¹ Nguồn: Journal of Democracy Volume 24, Number 1 January 2013, “Southeast Asia: In the Shadow of China”, https://muse.jhu.edu/journals/journal_of_democracy/v024/24.1.reilly.pdf

² Giáo sư Khoa học Chính trị tại Đại học Quốc gia Australia chuyên ngành Chính sách công trường Crawford; thành viên Reagan-Fascell Democracy của Quỹ quốc gia vì Dân Chủ; giáo sư thỉnh giảng tại Viện Nghiên cứu quốc tế cao cấp John Hopkins (SAIS), Washington D.C. Những ấn bản của ông bao gồm: Democracy and Diversity: Political engineering in the Asia – Pacific (2006) (Tạm dịch là Nền Dân chủ và Sự Đa Dạng: Kỹ thuật chính trị tại châu Á Thái Bình dương).

³ Cộng tác viên Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc thuộc VEPR (VCES).

⁴ Information analyst, The Open University, UK.

Trong ấn bản tháng Tư năm 2012 của tạp chí Dân Chủ, bốn nhà nghiên cứu hàng đầu về lĩnh vực chính trị đã đề cập đến sự tiến triển (hoặc thụt lùi) của dân chủ ở Đông Nam Á. Thitinan Pongsidhirak xem xét những vướng mắc mà Thái Lan phải đối mặt khi tiếp cận với chủ đề “nền dân chủ”; Martin Gainsborough đặt câu hỏi về sự thất bại của nền dân chủ tại 3 nước Đông Dương; Dan Slater phân tích quá trình dân chủ hóa nhà nước tại Singapore và Malaysia; và Don Emmerson khảo sát quá trình này về tổng thể trên quy mô toàn khu vực. Một chủ đề chung - đặc biệt được thấy rõ nhất trong phân tích của Slater và Gainsborough đó là vai trò của các yếu tố như: những giai tầng lãnh đạo trong nước, các hình thái cấu trúc nhà nước và vấn đề tiền tệ trong việc lý giải sự không đồng đều trong phát triển dân chủ giữa các quốc gia trong khu vực.

Tuy nhiên các tác giả mới chỉ chỉ ra chứ chưa giải quyết được vấn đề cốt lõi trong các thảo luận về vấn đề dân chủ ở Đông Nam Á. Là khu vực trải qua nhiều tiến bộ về kinh tế và chính trị trong những năm gần đây, Đông Nam Á được kỳ vọng sẽ trở thành một điển hình cho thấy mối liên kết tích cực (khi gắn liền với khoa học chính trị) giữa phát triển và dân chủ. Các quốc gia và vùng lãnh thổ Đông Bắc Á láng giềng như Hàn Quốc và Đài Loan là những ví dụ tiêu biểu cho mối liên kết nêu trên, đặc biệt là trong sự hiện đại hoá cả về kinh tế lẫn chính trị. Mỗi quốc gia đều trải qua một giai đoạn dài phát triển kinh tế dưới chế độ độc tài chuyên chế - một chế độ ra sức bám vào quyền lực ngay cả khi sự phồn thịnh trong kinh tế dần sản sinh ra tầng lớp trung lưu - giai cấp không dễ có thể bị khuất phục bởi chính quyền. Đến cuối những năm 1980, mỗi chế độ (chính quyền độc tài và giai cấp trung lưu) đưa ra một quá trình tự do hóa chính trị, từ đó nhanh chóng dẫn đến dân chủ. Cùng với Nhật Bản, quốc gia có nền dân chủ lâu đời nhất ở Đông Á, Hàn Quốc và Đài Loan trở thành hai trong số những nước và vùng lãnh thổ giàu có và phát triển nhất trên thế giới. Câu chuyện về hai quốc gia và vùng lãnh thổ trên, do đó, củng cố nguyên lý trung tâm của lý thuyết hiện đại hoá.

Tuy vậy, ở Đông Nam Á, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và chính trị đang bị khuyết thiếu. Học thuyết Lipset (đặt theo tên của nhà nghiên cứu xã hội Seymour Martin Lipset) cho rằng dân chủ thường hiện diện ở các nước giàu hơn là ở các nước nghèo. Nhưng học thuyết này hoàn toàn bị đảo lộn khi trên thực tế nền dân chủ ở những quốc gia giàu có nhất trong khu vực (Brunei, Singapore và Malaysia) thực chất rất yếu, thậm chí không tồn tại. Trong khi đó, nền dân chủ lại hiện diện tại ba trong số những nước nghèo hơn (là Indonesia, Philippines và Timor-Leste), ít nhất là trên một góc độ nào đó. Hơn thế nữa, ba quốc gia dân chủ này đều có sự đa dạng cao về chủng

tộc, ngôn ngữ và tôn giáo, thách thức quan điểm truyền thống rằng những xã hội có sự phân hóa cao thường không phải nơi chế độ dân chủ dễ dàng được chào đón. Tuy nhiên, việc Indonesia là đất nước đạo Hồi lớn nhất thế giới đã chứng minh ngược lại quan điểm cho rằng dân chủ không thể hòa hợp với Hồi giáo⁵. Cuối cùng, không một quốc gia nào trong ba nước nói trên xếp thứ hạng cao theo những chỉ số phát triển con người thường được biết đến như trình độ học vấn, sức khỏe bà mẹ trẻ em hay những chỉ số tương tự - những yếu tố được cho là có mối tương quan mạnh mẽ với dân chủ¹.

Trường hợp của Singapore, đất nước phát triển nhất trong khu vực, càng khiến giới học giả nghiên cứu về dân chủ thêm bối rối do quốc gia này hội tụ đầy đủ các yếu tố khiến học thuyết Lipset không thể được áp dụng. Mặc dù có GDP bình quân đầu người \$54,000 một năm (cao hơn Mỹ), đất nước cực nam của bán đảo Mã Lai này mới chỉ tồn tại dưới dạng nửa chuyên chế, nửa dân chủ. Larry Diamond nói đây là “*đất nước không dân chủ phát triển nhất trong lịch sử*”². Quốc gia láng giềng của Singapore, Malaysia cũng ở trong tình trạng tương tự khi cũng là một trong những nước dẫn đầu về các chỉ số phát triển con người cũng như thu nhập bình quân đầu người (hơn \$15000 một năm) nhưng lại có một chế độ cầm quyền cạnh tranh phi tự do. Tuy sự đối lập được cho phép ở một mức độ nhất định nhưng cả Singapore và Malaysia đều chưa tiến gần được đến một nhà nước dân chủ thực sự. Ngược lại, Indonesia, Philipines và Timo – leste đều đã trải qua quá trình chuyển giao quyền lực qua các đợt bầu cử cạnh tranh; một bước quan trọng trong quá trình phát triển dân chủ theo nhận định của các nhà nghiên cứu chính trị³.

Những quốc gia trên không phải là những ví dụ bất thường duy nhất tại Đông Nam Á. 3 nước Đông Dương là Việt Nam, Lào và Campuchia mặc dù có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế trong những năm gần đây và sự gia tăng của tầng lớp trung lưu nhưng vẫn tiếp tục duy trì chế độ độc đảng với xu thế chính trị phi tự do, như Gainsborough phân tích.

Ở Thái Lan, nơi mà “chế độ dân sự” chỉ mới được tái thiết sau cuộc đảo chính quân sự hồi cuối năm 2006 (19/09/2006); tầng lớp trung lưu tại Bangkok đã phủ định hoàn toàn các học thuyết

¹ Seymour Martin Lipset, “Some Social Requisites of Democracy,” *American Political Science Review* 53 (March 1959): 69–105. For a more recent analysis, see Adam Przeworski et al., *Democracy and Development: Political Institutions and Well-Being in the World, 1950–1990* (New York: Cambridge University Press, 2000)

² Larry Diamond, “China and East Asian Democracy: The Coming Wave,” *Journal of Democracy* 23 (January 2012): 7.

³ Samuel P. Huntington, *The Third Wave: Democratization in the Late Twentieth Century* (Norman: University of Oklahoma Press, 1991).

dân chủ trước đó khi phản đối nguyên tắc đa số. Lý do là khi ông Thaksin Shinawatra, đảng viên Đảng Nhân Dân, đắc cử, toàn bộ quy tắc cho việc giành chiến thắng chức vụ dân cử đã bị sửa đổi. Tương tự, Myanmar cũng không tuân theo những dự đoán của các học thuyết dân chủ: từng là một trong những mảnh đất giàu có nhất Đông Nam Á tuy nhiên 40 năm trở lại đây, những bất ổn triền miên về chính trị, kéo theo sự phát triển trì trệ về kinh tế và trình độ phát triển con người thấp đã tàn phá diện mạo đất nước này đồng thời cũng khiến quá trình dân chủ hóa ở đây gặp rất nhiều khó khăn. Ngày nay, những nỗ lực của thống chế Aung San Suu Kyi và nghị viện Myanma kì vọng sẽ mang lại những thay đổi cho đất nước này.⁴

Góc nhìn địa lý lịch sử:

Thực trạng quá trình dân chủ hóa tại Đông Nam Á đặt ra những câu hỏi đầy thách thức đối với giới nghiên cứu. Làm thế nào để lý giải thực tế nói trên? Trong bài nghiên cứu này, tôi muốn đưa ra một cách giải thích khác, một cách tiếp cận vấn đề mới để lý giải sự xuất hiện hay vắng bóng của nền dân chủ trên bình diện khu vực. Cách tiếp cận vấn đề này hoàn toàn không liên quan đến các lý luận lo-gic xã hội hay thậm chí là các vấn đề chính trị của từng quốc gia, mà đi sâu vào tìm hiểu về yếu tố địa lý, ảnh hưởng quốc tế và lịch sử.

Ở góc độ địa lý, có một thực tế đang diễn ra rất điển hình ở Đông Nam Á, khi các nước Đông Nam Á lục địa (đặc biệt là những quốc gia có đường biên giới đất liền tiếp giáp với Trung Quốc) vẫn giữ cho mình chế độ chuyên quyền thì các nước Đông Nam Á hải đảo, (trừ Brunei) bắt đầu mạnh nha hoặc đã xây dựng chế độ dân chủ từ lâu. Những quốc gia nằm trong vùng đệm tiếp giáp hai hình thái nhà nước nói trên thì đang trong sự lưỡng lự nhất định với hơi hướng chính trị dân chủ song vẫn chưa có những bước chuyển mình rõ ràng. Nếu chúng ta đưa ra một tiêu chí cụ thể hơn nữa, đó là sự phân tách giữa những quốc gia có một nền bầu cử dân chủ và những quốc gia đang ở chế độ chuyên quyền, bức tranh sẽ càng trở nên rõ ràng hơn. Quá trình phân chia thành hai hình thái chính trị khác nhau này bắt đầu từ thế kỉ trước, mở đầu bằng phong trào dân quyền của người Philipines năm 1986, sự kiện chế độ độc tài của Suhactor bị lật đổ năm 1998 tại Indonesia hay năm 2001, khi Đông Timo (nay là Timo – leste) tuyên bố độc lập và tách ra khỏi Indonesia, cùng với sự thay đổi thái độ chính trị của người Thái (2006) trong khu vực cũng ở giai đoạn này...

⁴ Brian Joseph and Min Zin, “The Opening in Burma: The Democrats’ Opportunity,” *Journal of Democracy* 23 (October 2012): 104–19.

Làm thế nào để giải thích rõ ràng ranh giới địa lý của các chế độ? Vị trí của từng quốc gia, đặc biệt là khoảng cách địa lý từ nước đó tới Trung Quốc - đất nước có vị trí quan trọng trong khu vực Đông Á - có thể là một lý giải phù hợp hơn so với những phân tích thông thường về cái gọi là "vị trí địa lý đặc trưng của dân chủ". Những kế thừa lịch sử từ mối quan hệ triều cống giữa Trung Quốc với các quốc gia nằm dọc biên giới phía Nam của đất nước này (trái ngược với ảnh hưởng hạn chế của Trung Quốc đối với các quốc đảo xa xôi của quần đảo Philippines và Indonesia), có thể cung cấp những hiểu biết thiết yếu về đặc điểm của chế độ dân chủ ở hải đảo và chế độ chuyên quyền ở lục địa trong khu vực Đông Nam Á.

Có một thực tế là trải qua nhiều giai đoạn chuyển giao lịch sử, từ thể chế quân chủ, đến thời kì thực dân, và cho đến nay là nền chính trị chuyên chính với một đảng duy nhất, các quốc gia ở Đông Dương, tiếp giáp với đường biên giới phía nam lãnh thổ Trung Hoa chưa bao giờ thực sự lựa chọn dân chủ hóa nền chính trị của họ. Việt Nam và Lào là hai điển hình của mô hình Trung Quốc: tuy Đảng Cộng sản nắm quyền lãnh đạo, nhưng nền kinh tế thị trường lại mở cửa tự do và cạnh tranh quyết liệt... Ở Campuchia, mặc dù không hẳn là rập khuôn bộ máy chính trị của Trung Hoa song cũng chỉ tồn tại một đảng cầm quyền duy nhất với chế độ dân chủ đại diện. Nền chính trị tại Myanmar vừa mang thiên hướng chính trị của quốc gia láng giềng Campuchia với gần như 1 đảng thống trị, vừa giống như nền độc tài quân sự của Suharto ở Indonesia những năm cuối thế kỉ 20. Vào năm 2010, Myanmar quyết định tiến hành cải tổ nền chính trị của mình theo hướng tự do dân chủ hơn, và động thái này khiến Trung Quốc không hài lòng. Quyết tâm cải tổ nền chính trị theo hướng mở và tự do hóa của tổng thống Myanmar Thein Sein bị phía quốc gia láng giềng xem như hành động không chỉ làm suy giảm sự hợp tác chặt chẽ giữa các hệ thống chính quyền chuyên chế mà còn ảnh hưởng đến lợi ích chiến lược cốt lõi của Trung Quốc trong việc duy trì các chế độ trong cùng hệ tư tưởng xung quanh quốc gia này.

Càng rời xa tầm ảnh hưởng của Trung Quốc, mô hình chính trị chuyên chính càng trở nên lỏng lẻo. Ở Thái Lan, sự tranh đấu giữa các trường phái dân chủ, dân sự và độc tài quân sự đã diễn ra hàng thập kỉ nay. Theo Freedom House, Thái Lan mới chỉ được xếp loại bán tự do. Do vị trí địa lý và tương lai chính trị không ổn định, Thái Lan được xem như một đất nước chưa có lập trường chính trị rõ ràng ở Đông Nam Á, không chỉ về mặt triển vọng dân chủ trong khu vực mà còn cả về tác động của Trung Quốc. Đi tiếp về phương nam, quyền lực mềm vẫn tiếp tục được duy trì tại Malaysia và Singapore, hai hình thái được đánh giá là nửa dân chủ với những chuyển biến chậm

chạp. Bên cạnh quyền lực quản lý của Nghị viện thì vẫn chỉ có một đảng lãnh đạo duy nhất. Hai quốc gia nói trên cũng là hai nước Đông Nam Á “nửa” lục địa, nửa” hải đảo, và vị trí của hai quốc gia này cũng phản ánh phần nào về hình thái chính trị mà họ lựa chọn.

Sự tồn tại dai dẳng của hình thái chính trị chuyên chính tại Việt Nam, Lào, Campuchia, và (ít nhất là cho tới giai đoạn gần đây) ở Myanmar so với những điển hình dân chủ tại các nước Đông Nam Á hải đảo cho thấy tầm ảnh hưởng lớn của chính sách ngoại giao mà Trung Quốc áp đặt lên khu vực này. Nhìn lại truyền thống lịch sử tại các quốc gia này, Trung Quốc luôn tìm cách biến những quốc gia láng giềng trong khu vực Đông Nam Á thành các châu, quận của mình bằng cách đồng hóa văn hóa của các quốc gia này. Điều này trái ngược hoàn toàn với hàng thế kỷ chiến tranh chống lại quân Mông Cổ và ngoại xâm phương Bắc, lý do chính khiến Trung Quốc xây Vạn Lý Trường Thành. Trong khi đó, ở phía Nam, Trung Quốc không cần đến Vạn Lý Trường Thành để bảo vệ bờ cõi, thay vào đó, các vương quốc phương Nam đã bị đồng hóa vào trật tự văn hóa xã hội Trung Hoa. Điều này diễn ra trước tiên thông qua việc Trung Quốc mở rộng biên giới ra tận Vân Nam, Phúc Kiến và Quảng Đông, rồi sau đó là thông qua việc cưỡng chế Miến Điện (Myanmar), Lào và Việt Nam vào hệ thống triều cống để trói buộc những nước này vào mạng lưới ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa.⁵

“Lệ triều cống” có bước những phát triển đột biến dưới thời Minh (1368-1644) chính thức xác lập địa vị thống trị của người Trung Quốc đối với các quốc gia láng giềng ở phía nam khi mà việc đánh đổi địa vị triều cống đối với Trung Quốc sẽ là giấy phép thông thương hay tự do đi lại, trung chuyển qua các cửa khẩu được thiết lập. Những quốc gia ở rìa biên giới phía nam Trung Quốc như Việt Nam, sau khi thừa nhận sự thống trị của Trung Quốc sẽ được yêu cầu cống nạp 3 năm một lần. Những quốc gia ở xa hơn thì không phải gửi vật phẩm cống nạp thường xuyên như những nước ở gần⁶. Lễ vật cống nạp (thường bao gồm những sản phẩm địa phương cao cấp), trên thực tế không quan trọng bằng sự thừa nhận quyền lực bao trùm của đế chế Trung Hoa. Việc vị trí tối cao của Trung Quốc được công nhận chính là lý do trung tâm của sự bất bình đẳng và phân cấp sâu sắc này.

⁵ For an outstanding synthesis of scholarship on relations between China and South-east Asia, see Martin Stuart-Fox, *A Short History of China and Southeast Asia: Tribute, Trade and Influence* (Sydney: Allen and Unwin, 2003).

⁶ Stuart-Fox, *Short History*, 75.

Chế độ triều cống tiếp tục có những bước phát triển hơn nữa khi hàng loạt các quốc gia nằm cận kề biên giới phía nam đế chế Trung Hoa trở thành các “các nước chư hầu” với nhiệm vụ củng cố vững chắc hơn ách thống trị của Trung Quốc tại những khu vực xa xôi này. Các nước đó bao gồm Tai ở Lục Xuyên, Cheli – Vân Nam ngày nay, vương quốc Lanxand thuộc lãnh thổ Lào ngày nay, Lanna ở phía bắc Thái Lan và vương quốc Ava, Burma ngày nay, tất cả các vương quốc này đều bị biến thành “pacification commissioners” và thiết lập liên hệ chính thức với Trung Quốc thông qua Vân Nam.⁷ Những hình thái quan hệ này chỉ tồn tại giữa Trung Quốc với các quốc gia nằm cận kề biên giới phía Nam của họ, hoàn toàn không xuất hiện ở vịnh Malay hay các khu vực Đông Nam Á hải đảo khác.

Những thập kỉ gần đây, tầm ảnh hưởng của Trung Quốc còn được thể hiện rõ qua sự hậu thuẫn của quốc gia này với cách mạng vô sản và tổ chức chính trị theo tư tưởng Lenin ở Lào và Việt Nam những năm 1960, hay sự trợ giúp của Bắc Kinh đối với phong trào Khmer Đỏ ở Campuchia những năm 1970, và gần đây nhất là sự căng thẳng trước khả năng Myanmar trở thành một đất nước dân chủ (và thậm chí là nguy cơ nước này trở thành đồng minh mới của Hoa Kỳ tại khu vực). Hội nhập kinh tế nhanh chóng giữa miền Nam Trung Quốc với Lào, Myanmar và dần dần cả Thái Lan và Campuchia là một phần quan trọng trong tổng thể này. "Không chỉ diện tích và khoảng cách địa lý từ Trung Quốc tới Đông Nam Á khiến cho đất nước này khó có thể bị bỏ qua đối với những quốc gia tồn tại trong cái bóng của nó", theo Alice Ba, "mà điều này còn khiến Trung Quốc quan tâm tương đối nhiều hơn đến những gì xảy ra trong khu vực được xem là "sân sau" của mình".⁸

Thực tế lịch sử tại 3 nước có nhiều đặc điểm giống Trung Quốc là Việt Nam, Lào, và Campuchia là những ví dụ điển hình. Cả ba đều từng bị đặt trong ách thống trị thực dân Pháp, nằm liền kề nhau. Lào và Việt Nam có đường biên giới dài tiếp giáp với phía Nam Trung Quốc. Cả ba đều kinh qua những cuộc kháng chiến để giành lại độc lập, đỉnh điểm là giữa những năm 1970. Đảng Cộng sản ở 3 nước này nhận được sự giúp đỡ trực tiếp hay gián tiếp từ phía Trung Quốc. Các Đảng này cũng là đảng lãnh đạo Việt Nam và Lào từ thời điểm đó. Ở Campuchia, Đảng Cộng sản ở đây đổi tên thành Đảng Dân Tộc Campuchia (ý tác giả là vấn đề đổi tên đảng ảnh hưởng ít

⁷ Stuart-Fox, *Short History*, 80.

⁸ Alice D. Ba, “A New History? The Structure and Process of Southeast Asia’s Relations with a Rising China,” in Mark Beeson, ed., *Contemporary Southeast Asia*, 2nd ed. (London: Palgrave Macmillan 2009), 193.

nhiều đến đường lối và phương châm hoạt động - ND), và tiếp tục lãnh đạo đất nước này từ đó với không nhiều những thay đổi đáng kể trong hàng thập kỉ. Cả 3 quốc gia đều đã có những bước tăng trưởng vượt bậc về kinh tế mà phần lớn là bằng những động lực từ ngoài nước, trong đó Trung Quốc chiếm phần nhiều, nếu không muốn nói là hoàn toàn. Và cả 3 đều ra sức ủng hộ lập trường của Trung Quốc trên chính trường quốc tế, phần nhiều như Campuchia hay ít hơn chút là Việt Nam.

Trung Quốc đã treo củ cà rốt là các gói đầu tư kinh tế (trên diện rộng đối với Việt Nam và Thái Lan) hay là những gói viện trợ nhỏ hơn (đối với Lào và Campuchia) và đồng thời cũng múa cây gậy quyền lực quân sự đe dọa (Trung Quốc thực tế đã tổ chức 1 cuộc tấn công vào lãnh thổ Việt Nam năm 1979) nhằm tạo lập và thắt chặt những mắt xích bảo vệ trên đường biên giới phía Nam của mình. Ủng hộ cho sự phát triển học thuyết Leninist là một trong những khía cạnh của quá trình hợp tác. Bắc Kinh có thể liên hệ dễ dàng hơn đối với các chế độ phi dân chủ quen thuộc, đặc biệt là nếu những chế độ này có cùng mô hình bán Cộng sản với Trung Quốc... Nền dân chủ không chỉ xa lạ đối với chính quyền Trung Quốc mà còn có nguy cơ gây ra những làn sóng biểu tình trong nước - một ví dụ nguy hiểm của một nền chính trị có sự cạnh tranh và tự quản.

Gainsborough đã đưa ra những lý giải của mình về sự tồn tại dai dẳng của nền chính trị chuyên chính tại ba nước Đông Dương thông qua những yếu tố nội hàm, bao gồm di sản của chế độ thực dân, truyền thống tôn ti trật tự và gia trưởng, hay thậm chí là khuynh hướng thù địch với chủ nghĩa đa nguyên.⁹ Tuy nhiên, một cách nhìn nhận khá đơn giản đó là cả 3 nước nói trên đều nằm trong tầm ảnh hưởng của chế độ triều cống từ Trung Quốc, và những di sản của nó đã phần nào định hình phương hướng phát triển chính trị tại các quốc gia nói trên. Nói một cách đơn giản hơn, đó là ảnh hưởng tất yếu trong quan hệ nước lớn, nước nhỏ, khi mà quốc gia nhỏ hơn buộc phải thuận phục sức mạnh của Trung Quốc.

Chế độ triều cống sụp đổ khi ảnh hưởng của phương Tây bắt đầu lấn át tại các quốc gia Đông Á, bao gồm cả Trung Quốc sau 2 cuộc chiến tranh nha phiến (1839 - 1842, 1856 - 1860). Như Martin Stuart-Fox thuật lại, Trung Quốc có truyền thống sử dụng một sự kết hợp thương mại và lực lượng vũ trang để có được vùng biên giới phía Nam và phía Tây theo cách của mình. Nhưng hệ thống này bị phá vỡ trong bối cảnh các quốc gia ở phương Tây tranh giành châu Á. Sự suy yếu

⁹ Martin Gainsborough, "Southeast Asia: Elites vs. Reform in Laos, Cambodia, and Vietnam," *Journal of Democracy* 23 (April 2012): 34-46.

ảnh hưởng của Trung Quốc vào thời điểm có mặt của phương Tây ngay lập tức khiến cho chế độ triều cống có những rạn nứt, và Thái lan, năm 1882 đã lần đầu tiên từ chối cống nạp cho người láng giềng phương bắc của họ. Sau đó chế độ thực dân lần lượt sáp nhập Đông Dương vào Pháp và Miến Điện vào Anh, và khi những mắt xích ở phía nam biên giới lần lượt bị đe dọa rồi bị tước mất, như Stuart-Fox đã nói, “lần đầu tiên” Trung Quốc phải đối mặt với “một mối đe dọa an ninh nghiêm trọng”.¹⁰

Dư âm của quan hệ triều cống

Ngay cả khi chế độ triều cống không còn nữa, dư âm của nó vẫn tiếp tục. Trước sự thất bại của Nhật Bản trong cuộc chiến tranh thế giới thứ 2 cùng với chiến thắng trước Quốc Dân Đảng một vài năm sau đó của Mao Trạch Đông và Đảng Cộng sản Trung Quốc, quốc gia này bắt đầu thiết lập lại sức ảnh hưởng của mình đối với các quốc gia láng giềng trong vai trò giống như những “vùng đệm” ở phía Nam Trung Hoa. Một minh chứng cho điều này là việc Trung Quốc ủng hộ sự phát triển của các hình thái chính trị phi dân chủ đối với các quốc gia láng giềng. Dưới thời Mao Trạch Đông, chính sách đối ngoại của Trung Quốc tập trung bảo vệ liên kết gắn bó giữa Trung Quốc với Việt Nam và Bắc Hàn – những đồng minh thân cận, và Myanmar, Lào cũng như những nước trung lập ở vùng đệm nhằm phòng ngự biên giới quốc gia. Thời hậu Mao Trạch Đông, Trung Quốc tiếp tục là hậu thuẫn cho phong trào Cộng sản tại Lào và Việt Nam, trong khi cũng hỗ trợ về cả quân sự và tài chính cho Khmer Đỏ và sau này là Đảng Nhân dân Campuchia. Nguồn cơn của những hành động nói trên xuất phát từ: trong ít nhất 6 thế kỉ, Bắc Kinh luôn tìm kiếm, bằng các phương thức chính trị hay bất cứ cách nào, gây dựng những mắt xích đồng minh xung quanh đường biên giới của mình.

Hệ quả của những nỗ lực nói trên là một loạt các quốc gia theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa với một đảng duy nhất lãnh đạo, thậm chí là những mô hình rập khuôn như kiểu Đảng Cộng sản Trung Quốc. Như Alice Ba đã chỉ ra: “Trung Quốc có ảnh hưởng lớn hơn đối với các nước trong lục địa, đặc biệt là các quốc gia nằm cận kề với nước này. Ví dụ như Việt Nam, Trung Quốc có dấu ấn rất lớn đối với con đường cách mạng, và thậm chí là mô hình nhà nước lãnh đạo trong cả thời kì chiến tranh giành độc lập cũng như thời kì phát triển hậu chủ nghĩa xã hội.”¹¹

¹⁰ Stuart-Fox, *Short History*, 122.

¹¹ Ba, “A New History?” 193.

Những quan sát tương tự cũng có thể được tìm thấy ở Lào hay thậm chí là Campuchia. Với Myanmar, mô hình nhà nước điều tiết của Newin cũng có nhiều điểm tương đồng về đường lối và cấu trúc của Trung Quốc hơn hết tất cả các ảnh hưởng khác từ Phương Tây.

Những hỗ trợ tích cực của Trung Quốc với các Đảng Cộng sản Đông Nam Á trong suốt những năm 1960 và 1970, và mối quan hệ đồng minh giữa hai bên, là một trong những bộ phận quan trọng cấu thành chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, Trung Quốc đã cố gắng hướng các quốc gia láng giềng cùng hệ tư tưởng vào Cộng đồng xã hội chủ nghĩa châu Á (ASC), trong đó "mỗi chế độ tìm cách để bảo vệ chế độ độc đảng dựa trên tính hợp pháp của các bên trong cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc, chống sự can thiệp của nước ngoài, và cam kết xây dựng chủ nghĩa xã hội, "với một sự đồng thuận rằng tất cả các thành viên phải đối mặt với "một mối đe dọa bên ngoài - áp lực phổ biến dân chủ hóa xã hội, để cho phép đa nguyên chính trị và thi hành quyền con người."¹² Tuy về hình thức, ASC không được hiện thực hóa, tầm nhìn cốt lõi về một hệ thống chính phủ kiên quyết không dân chủ cùng nhau chống lại áp lực quốc tế vẫn là một chuẩn mực chung cho Trung Quốc và các nước láng giềng xã hội chủ nghĩa trong vòng ảnh hưởng của nó.

Ngược lại, các nước nằm ngoài tầm ảnh hưởng của Trung Quốc mà cụ thể là các quốc gia Đông Nam Á hải đảo thì ít chịu những ràng buộc từ phía Trung Quốc hơn. Một lần nữa, điều này tuân theo quy luật lịch sử trong đó "sự khác biệt về mặt địa lý cũng giúp giải thích sự khác biệt về tính chất, đặc biệt là sự mật thiết, trong mối quan hệ giữa Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á".¹³ Hải đảo Đông Nam Á đặt ra một rào cản lớn đối với sự ảnh hưởng của Trung Quốc, phần lớn vì các mối quan hệ song phương giữa Trung Quốc với vùng hải đảo châu Á phát triển ít hơn nhiều. Trong số các quốc gia hải đảo, thì Indonesia và Philippines là 2 ví dụ điển hình. Như Stuart Fox từng nhận định:

Indonesia không có những mối quan hệ song phương lịch sử kéo dài từ vương quốc đến đế chế như chế độ tương tự tồn tại giữa Trung Quốc và Việt Nam, Thái Lan, hoặc Myanmar. Philippines thậm chí còn có mối liên hệ ít hơn khi những giao thương thương mại quan trọng của

¹² Carlyle A. Thayer, "Comrade Plus Brother: The New Sino-Vietnamese Relations," *Pacific Review* 5, no. 4 (1992): 402.

¹³ Ba, "A New History?" 193.

nước này với Trung Quốc (trừ Sulu) đều diễn ra sau khi người Tây Ban Nha xuất hiện và được tiến hành dưới sự bảo trợ của họ.¹⁴

Mảnh ghép cuối cùng của bức tranh là những cách thức khác nhau trong đó các quốc gia Đông Nam Á phản ứng lại mối đe dọa của chủ nghĩa cộng sản trong thời đại hiện nay. Chủ nghĩa cộng sản, vừa như một học thuyết vừa như một chương trình hành động chính trị, phân chia Đông Nam Á thành hai thái cực đối lập trong nhiều thập kỷ sau chiến tranh Thế giới thứ 2. Trong khi chủ nghĩa cộng sản cố gắng giành chính quyền ở hầu hết các quốc gia Đông Nam Á, họ chỉ thành công duy nhất ở Đông Dương. Chiến thắng của Lào, Việt Nam (và gián tiếp) ở Campuchia được cân bằng bởi phong trào chống chủ nghĩa cộng sản mạnh mẽ và dữ dội ở Indonesia, Malaysia, Singapore và Philippines.

Cuộc đàn áp chủ nghĩa cộng sản năm 1966 tại Indonesia sau cuộc đảo chính một năm trước đó không những đã đưa Suharto lên cầm quyền mà còn dẫn đến hậu quả là cái chết của khoảng nửa triệu đảng viên cộng sản - những người tâm huyết với chủ nghĩa cộng sản - và gia quyến của họ (phần lớn trong số họ là người Indonesia gốc Hoa). Các phong trào của Đảng Cộng sản có thể nói là đã bị đàn áp (thường bằng) một cách tàn bạo ở Malaysia và Singapore. Các Đảng Cộng sản đã bị cấm ở cả 3 quốc gia nói trên và ở Philippines, nơi mà chiến tranh du kích vẫn tiếp tục được tiến hành ở vùng nông thôn nhằm chống lại một phong trào bạo loạn trên danh nghĩa Cộng sản mang tên: Quân Đội Nhân Dân Mới. Các đạo luật chống Cộng đến nay vẫn còn được ghi lại trên các cuốn sách một cách rõ ràng tại một vài quốc gia ở Đông Nam Á, và vai trò của chủ nghĩa cộng sản vẫn thỉnh thoảng được khơi dậy, (cũng như) bị phóng đại để biện minh cho sự tồn tại của các bộ luật an ninh quốc gia và các kiểm soát chính trị khác.¹⁵

Tổng kết lại, chiều kích lịch sử và địa lý đưa ra những cách lý giải khác, phần nào đó thuyết phục hơn, đồng thời dựa vào bằng chứng lịch sử cho sự phân bổ chủ nghĩa dân chủ và chế độ chuyên quyền trên toàn Đông Nam Á so với những gì khoa học chính trị truyền thống có thể cung cấp. Các quốc gia Đông Nam Á lục địa, cụ thể hơn là những quốc gia nằm cận kề Trung Hoa, đã trở thành đối tượng của những yêu sách công nạp thường xuyên trong giai đoạn tiền thực dân, đồng thời cũng nhận được sự hỗ trợ liên tục từ Trung Hoa cho các mô hình thể chế bài dân chủ

¹⁴ Stuart-Fox, *Short History*, 238.

¹⁵ Justus M. van der Kroef, *Communism in South-East Asia* (Berkeley: University of California Press, 1980).

trong thời kì hậu thực dân. Điều này góp phần lý giải cho việc các quốc gia hiện vẫn duy trì vai trò ảnh hưởng của các lý thuyết chủ nghĩa cộng sản ở các quốc gia Đông Nam Á thường nhận được sự trợ giúp của Trung Quốc ở thời điểm hiện tại. Ngược lại, các quốc gia hải đảo càng cách xa Trung Hoa, như quốc gia dân chủ Indonesia và Philippines, trong lịch sử ít phải chịu những yêu sách triều cống, không sẵn sàng chấp nhận quyền bá chủ của Trung Quốc trong khoảng thế kỉ 18 và 19, đồng thời chống cự, bài trừ các phong trào của chủ nghĩa cộng sản thời kì hậu chiến. Hiểu sự tác động của yếu tố lịch sử và địa lý là cực kì cần thiết để hiểu hơn về diện mạo của chủ nghĩa dân chủ thời cận đại, và những thể chế khác ở Đông Nam Á, đồng thời giúp giải thích những gì mà học thuyết về chủ nghĩa dân chủ chưa đáp ứng được

GIỚI THIỆU DỰ ÁN BIÊN DỊCH TÀI LIỆU HỌC THUẬT VỀ KINH TẾ VÀ CHIẾN LƯỢC TRUNG QUỐC

Mục đích

Dự án Biên dịch tài liệu học thuật về Kinh tế và Chiến lược Trung Quốc là một dự án phi chính trị, phi thương mại và phi lợi nhuận do Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc thuộc VEPR (VCES) tổ chức thực hiện nhằm mục đích cung cấp, phát triển nguồn học liệu có giá trị, cập nhật những thông tin kịp thời và có hệ thống, đồng thời cung cấp những nhận định sâu sắc về chuyên ngành nghiên cứu kinh tế và chiến lược Trung Quốc bằng tiếng Việt, góp phần thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề về Trung Quốc tại Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Dự án Biên dịch tài liệu học thuật về Kinh tế và Chiến lược của Trung Quốc* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Trung, tiếng Anh về các vấn đề của Trung Quốc, trong đó chủ yếu là về lĩnh vực kinh tế, chiến lược.

Nguồn tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, tài liệu hội thảo khoa học hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực Kinh tế và Chiến lược của Trung Quốc;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đông đảo độc giả quan tâm.

Trang chủ VEPR: www.vepr.org.vn

Thông tin thêm về dự án: Đang cập nhật

Danh mục các bài đã xuất bản: Đang cập nhật

Theo dõi Dự án trên Facebook:

<https://www.facebook.com/DuAnBienDichKinhTeChienLuocTQ>

Mọi ý kiến đóng góp và trao đổi xin vui lòng gửi tới:

Ms. Nguyễn Thị Thanh Tú

Email: vc.es@vepr.org.vn

Hotline: 0906 069 196



NHỮNG TÁC PHẨM DỊCH KHÁC

TLD-04 Tái cân bằng cho Chiến lược tái cân bằng: Phân bổ nguồn lực cho chiến lược ngoại giao của Hoa Kỳ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương

TLD-05 Trông đợi Tập Cận Bình cải cách chính trị? Cải cách kinh tế thành công thì mới có cơ hội

TLD-06 Trung Quốc trước bước ngoặt: Mươi thách thức cải cách chủ yếu

TLD-07 Chính trường Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình

LIÊN HỆ

Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc thuộc VEPR (VCES)

Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 707, Nhà E4
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3 754 7506 -704/714

Fax: (84-4) 3 754 9921

Email: nguyen.thanhtu@vepr.org.vn

Website: www.vepr.org.vn

Bản quyền © VCES 2015